

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Ngân hàng Kiến Long báo cáo trước Đại hội cổ đông việc thẩm định báo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng lập ngày 31/12/2006. Việc lập các báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc thực hiện theo đúng chế độ kế toán các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước ban hành. Sau đây là ý kiến nhận xét của chúng tôi về các báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Kiến Long dựa vào kết quả của quá trình kiểm tra kiểm soát và thẩm định các báo cáo tài chính.

Công việc kiểm tra kiểm soát và thẩm định các báo cáo tài chính được thực hiện căn cứ vào các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng cho các Ngân hàng TMCP, căn cứ vào chế độ kế toán tài chính mà Ngân hàng đang áp dụng và các quy định nội bộ của Ngân hàng Kiến Long.

Việc kiểm tra kiểm soát hoạt động của Ngân hàng Kiến Long được chúng tôi thực hiện theo đúng kế hoạch đã xây dựng ngay từ đầu năm 2006: Việc kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán để bảo đảm việc chấp hành đúng chế độ hạch toán kế toán được thực hiện thường xuyên hàng tháng tại Hội sở của Ngân hàng; việc kiểm tra tính tuân thủ trong hoạt động của các phòng ban cũng như của các đơn vị thành viên được kiểm tra theo kế hoạch đã đề ra hoặc đột xuất khi có yêu cầu; việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2006 của Ngân hàng được thực hiện vào cuối năm 2006 khi các báo đã được lập xong, trên những cơ sở đó chúng tôi đưa ra những nhận xét như sau:

Theo nhận định của chúng tôi các báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Kiến Long năm 2006 đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2006 và được lập phù hợp với hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng hiện hành do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Trưởng BKS

Thành Viên BKS

Thành Viên BKS

Nguyễn Chí Nhiều

Lê Thanh Hưng

Nguyễn Văn Phú

NHIỆM VỤ & ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

NĂM 2007 VÀ GIAI ĐOẠN 2007 - 2010

Qua đánh giá tổng kết năm tài chính 2006 của HĐQT, BKS và kết quả kiểm toán của Công ty kiểm toán AISC đã chứng tỏ hoạt động của Ngân hàng Kiến Long phát triển một cách bền vững và ổn định và hiệu quả. Trên cơ sở đó Ban lãnh đạo Ngân hàng Kiến Long mạnh dạn đặt ra nhiệm vụ và định hướng hoạt động trong năm 2007 và giai đoạn năm 2007-2010, cụ thể như sau:

- Tăng nhanh vốn điều lệ để tăng cường năng lực tài chính: Kế hoạch trong năm 2007, Ngân hàng Kiến Long sẽ tăng vốn điều lệ lên tối thiểu là 1.000 tỷ đồng, và phần đầu đạt mức vốn điều lệ trên 3.000 tỷ đồng vào cuối năm 2010 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Mở rộng địa bàn hoạt động: đầu năm 2007 sẽ mở chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh và Hà Nội, và tiếp tục trong năm 2007 sẽ tiếp tục mở chi nhánh tại các tỉnh thành trọng điểm trong cả nước: Bình Dương, Cần Thơ, Vũng Tàu, Đà Nẵng, Huế, Hải Phòng...
- Thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực: Đầu tư đào tạo, đào tạo lại đội ngũ CBNV đáp ứng theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu công việc. Xây dựng quy trình tuyển dụng chặt chẽ nhằm thu hút và tuyển chọn nhân viên có năng lực và tâm huyết với công việc.
- Thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm và dịch vụ mới: từng bước phát triển sản phẩm dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, phù hợp với nhu cầu của khách hàng và yêu cầu hội nhập
- Mục tiêu phát triển thương hiệu: Phát triển thương hiệu và xây dựng văn hoá doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP Kiến Long, từng bước đưa Ngân hàng TMCP Kiến Long trở thành "Ngân hàng thân quen" đối với khách hàng tại các địa bàn hoạt động. Trước mắt, chúng tôi đã hợp tác với Công ty Xây dựng và Phát triển Thương hiệu MASSO CONSULTING để xây dựng và phát triển thương hiệu một cách hiệu quả nhất cho Ngân hàng Kiến Long.
- Thực hiện chiến lược hiện đại hoá và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin: Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin, lấy công nghệ thông tin làm cơ sở để phát triển mô hình ngân hàng hiện đại.
- Đẩy mạnh hoạt động liên kết liên doanh với các NHTM, các tổ chức kinh tế để tranh thủ sự hỗ trợ về kinh nghiệm quản trị điều hành, tài chính, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển sản phẩm dịch vụ,...

Một số chỉ tiêu phần đầu trong năm 2007:

➢ Tăng vốn điều lệ lên tối thiểu	: 1.000 tỷ đồng.
➢ Tổng mức huy động vốn đạt	: 1.460 tỷ đồng
➢ Tổng dư nợ đạt	: 1.853 tỷ đồng
Trong đó: + Dư nợ trung, dài hạn chiếm	: 35%-40%
+ Nợ xấu chiếm	: 1,6% tổng dư nợ
➢ Các khoản đầu tư và tiền gửi dài	: 670 tỷ đồng
➢ Lợi nhuận trước thuế đạt	: 90 tỷ đồng
➢ Thu nhập phí tín dụng/tổng thu nhập đạt	: 10%-15%
➢ Cổ tức của cổ đông tối thiểu bằng đạt	: 10%/năm

SỐ: 010711/AISC-DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2006 TRÌNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối tài chính và ngày 31/12/2006, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 của Ngân hàng TMCP Kiến Long từ trang 04 đến trang 21.

Việc soạn thảo và lập các báo cáo tài chính thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc của Quý Ngân hàng. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở của việc kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chúng tôi lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán nhằm đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản thủ nghiệm, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu, các công bố trên báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc, phương pháp kế toán đã được áp dụng, các ước tính, xét đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám Đốc cũng như đánh giá sự trình bày đầy đủ các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính đã trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Kiến Long cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và được soạn thảo phù hợp với chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam ban hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2007

Giám Đốc AISC

Trần Ngọc Hùng
Chứng chỉ kiểm toán viên
số: 1084/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Nguyễn Hữu Trí
Chứng chỉ kiểm toán viên
số: 0476/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	31/12/2006	31/12/2005
I. Tiền mặt tại quỹ	12,987,026,973	6,389,947,945
II. Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	7,722,465,436	3,978,748,318
III. Tiền gửi tại TCTD trong nước và nước ngoài	172,654,418,834	16,701,244,230
IV. Cho vay các TCTD khác		
V. Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước	596,524,503,225	327,846,895,879
5.1 Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	602,124,219,472	331,500,252,486
5.2 (-). Dự phòng phải thu khó đòi	(5,599,716,247)	(3,653,356,607)
VI. Các khoản đầu tư		
VII. Tài sản	9,283,622,213	7,990,387,686
7.1 Tài sản cố định	9,283,622,213	7,990,387,686
a. Nguyên giá tài sản cố định	10,705,288,900	9,103,762,270
b. (-) hao mòn tài sản cố định	(1,421,666,687)	(1,113,374,584)
7.2 Tài sản khác		
VIII Tài sản có khác	28,089,112,311	13,916,360,514
8.1 Các khoản phải thu	13,910,322,582	8,180,695,690
8.2 Các khoản lãi cộng dồn dự thu	13,564,418,895	5,503,303,722
8.3 Tài sản có khác	614,370,834	232,361,102
8.4 Các khoản dự phòng rủi ro khác		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	827,261,148,992	376,823,584,572

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	31/12/2006	31/12/2005
I. Tiền gửi của KBNN và TCTD khác		7,410,000,000
1.1 Tiền gửi của kho bạc nhà nước		
1.2 Tiền gửi của các TCTD khác		7,410,000,000
II. Vay NHNN, TCTD khác	16,000,000,000	20,500,000,000
2.1 Vay ngân hàng Nhà nước		
2.2 Vay tổ chức tín dụng trong nước	16,000,000,000	20,500,000,000
2.3 Vay tổ chức tín dụng nước ngoài		
2.4 Nhận vốn cho vay đồng tài trợ		
III. Tiền gửi của các TCKT, cá nhân	447,226,106,183	276,440,694,412
IV. Vốn tài trợ ủy thác đầu tư	29,801,070,000	16,000,000,000
V. Phát hành giấy tờ có giá		
VI. Tài sản Nợ khác	15,865,607,057	11,324,449,052
6.1 Các khoản phải trả	5,169,407,327	3,562,954,042
6.2 Các khoản lãi cộng dồn dự trả	10,292,743,217	6,708,468,945
6.3 Tài sản Nợ khác	403,456,513	1,053,026,065
VII. Vốn và các Quỹ	318,368,365,752	45,148,441,107
7.1 Vốn của tổ chức tín dụng	290,003,000,000	28,039,000,000
a. Vốn điều lệ	290,003,000,000	28,039,000,000
b. Vốn đầu tư XDCB		
c. Vốn khác		
7.2 Quỹ của tổ chức tín dụng	3,140,472,062	2,592,871,283
7.3 Lãi/Lỗ kỳ trước		14,516,569,824
7.4 Lãi/Lỗ kỳ này	25,224,893,690	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	827,261,148,992	376,823,584,572

Kiên Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng

Bùi Tường Linh

Tổng Giám đốc

Trương Hoàng Lương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2006

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN I - LÃI, LỖ

CHỈ TIÊU	Năm 2006	Năm 2005
I. Thu từ lãi	77,753,730,469	45,826,560,353
1. Thu lãi cho vay	72,303,586,519	45,100,671,663
2. Thu lãi tiền gửi	5,103,857,867	470,307,690
3. Thu lãi góp vốn, mua cổ phần		
4. Thu từ nghiệp vụ cho thuê tài chính		
5. Thu khác về hoạt động tín dụng	346,286,083	255,581,000
II. Chi trả lãi	35,726,557,062	20,930,303,693
1. Chi trả lãi tiền gửi	32,490,905,794	18,071,812,402
2. Chi trả lãi tiền vay	3,235,651,232	2,858,491,291
3. Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá		
III. Thu nhập từ lãi	42,027,173,443	24,896,256,660
IV. Thu ngoài lãi	3,157,533,934	2,762,813,537
1. Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh		
2. Thu phí dịch vụ thanh toán	231,114,847	161,580,350
3. Thu phí dịch vụ ngân quỹ		
4. Thu từ tham gia thị trường tiền tệ		
5. Lãi từ kinh doanh ngoại hối		
6. Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	284,343,918	196,867,987
7. Thu từ các dịch vụ khác	14,382,620	
8. Các khoản thu nhập bất thường	2,627,692,549	2,404,365,200
V. Chi phí ngoài lãi	19,959,813,685	13,495,163,465
1. Chi khác về hoạt động huy động vốn	919,239,945	1,352,347,100
2. Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	389,081,692	182,503,288
3. Chi về tham gia thị trường tiền tệ		
4. Lỗ từ kinh doanh ngoại hối		
5. Chi về hoạt động khác		75,526,850
6. Chi nộp thuế	41,467,000	11,088,500
7. Chi nộp các khoản phí, lệ phí	32,829,300	22,467,200
8. Chi phí cho nhân viên	9,497,837,989	5,687,305,924
9. Chi hoạt động quản lý và công vụ	4,721,770,835	3,086,491,851
10. Chi khấu hao cơ bản TSCĐ	484,937,503	345,916,600
11. Chi khác về tài sản	1,054,703,783	569,176,985
12. Chi dự phòng	1,946,359,640	1,862,150,867
13. Chi nộp phí BH, bảo toàn TG của khách hàng, chi bồi thường BHTG	467,475,400	300,188,300
14. Chi bất thường khác	404,110,600	
VI. Thu nhập ngoài lãi	(16,802,279,753)	(10,732,349,928)
VII. Thu nhập trước thuế	25,224,893,690	14,163,906,732
VIII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7,062,970,233	3,965,893,885
IX. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
X. Thu nhập sau thuế	18,161,923,457	10,198,012,847

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2006

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN II - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số còn phải nộp cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế	2,260,838,427	4,885,515,095	7,141,410,083	4,943,439
1. Thuế VAT	6,444,542	87,515,095	89,016,198	4,943,439
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt				
3. Thuế XNK				
4. Thuế thu nhập	2,254,393,885	4,788,000,000	7,042,393,885	7,042,393,885
5. Thu sử dụng vốn NSNN				
6. Thuế tài nguyên				
7. Thuế nhà đất				
8. Tiền thuê đất				
9. Các loại thuế khác		10,000,000	10,000,000	10,000,000
II. Các khoản phải nộp khác				
1. Các khoản phụ thu				
2. Các khoản phí, lệ phí				
3. Các khoản phải nộp khác				

Kiên Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng

Bùi Tường Linh

Tổng Giám đốc

Trương Hoàng Lương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm 2006	Năm 2005
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh		
1/ Lợi nhuận trước thuế	25,224,893,690	14,163,906,732
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Khấu hao TSCĐ	484,937,503	345,916,600
- Dự phòng	1,946,359,640	(103,373,733)
- Lãi, lỗ do thanh lý TSCĐ	(1,082,220,200)	-
- Lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản	-	-
- Lãi, lỗ từ việc bán chứng khoán	-	-
- Thu lãi đầu tư chứng khoán	-	-
- Lãi, lỗ do đầu tư vào đơn vị khác (góp vốn, mua cổ phần...)	-	-
- Các điều chỉnh khác	-	-
2/ Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	26,573,970,633	14,406,449,599
<i>(Tăng)/Giảm tài sản hoạt động</i>		
- (Tăng)/Giảm tiền gửi tại các TCTD khác	(65,000,000,000)	-
- (Tăng)/Giảm cho vay đối với TCTD khác	-	-
- (Tăng)/Giảm cho vay đối với khách hàng	(270,623,966,986)	(113,646,858,527)
- (Tăng)/Giảm lãi dự thu	(8,061,115,173)	(2,201,063,400)
- (Tăng)/Giảm các tài sản hoạt động khác	(6,111,636,624)	(5,370,628,713)
<i>(Tăng)/Giảm các công nợ hoạt động</i>		
- (Tăng)/Giảm tiền gửi của TCTD khác	(7,410,000,000)	3,260,000,000
- (Tăng)/Giảm tiền gửi của khách hàng	170,785,411,771	89,863,770,329
- (Tăng)/Giảm lãi dự trả	3,584,274,272	188,054,045
- (Tăng)/Giảm phát hành giấy tờ có giá	-	-
- (Tăng)/Giảm vay NHNN	-	-
- (Tăng)/Giảm vay TCTD khác trong nước và nước ngoài	(4,500,000,000)	(5,500,000,000)
- (Tăng)/Giảm vốn tài trợ ủy thác đầu tư	13,801,070,000	12,000,000,000
- (Tăng)/Giảm khoản công nợ cho vay đồng tài trợ	-	-
- (Tăng)/Giảm các khoản công nợ hoạt động khác	956,883,733	2,164,907,542
3/ Tiến thu từ hoạt động kinh doanh trước thuế TNDN	(146,005,108,374)	6,164,630,875
- Thuế từ nhập doanh nghiệp đã nộp	(7,042,393,885)	2,696,857,262
- Chi từ các quỹ của TCTD	(778,792,514)	(206,581,000)
4/ Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(153,826,294,773)	3,261,192,613
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		
- Mua TSCĐ theo nguyên giá	(2,182,282,630)	(854,425,966)
- Tiền thu do bán, thanh lý TSCĐ	-	-
- Tiền mua chứng khoán	-	-
- Tiền thu từ bán chứng khoán	-	-
- Thu lãi đầu tư chứng khoán	-	-
- Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	-	-
- Tiền thu từ góp vốn liên doanh, mua cổ phần	-	-
- Thu lãi góp vốn, mua cổ phần	-	-
- Các hoạt động đầu tư khác	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2,182,282,630)	(854,425,966)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2006



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm 2006	Năm 2005
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư tài chính		
- Tăng/(Giảm) Vốn cổ phần	261,022,590,572	10,038,000,000
- Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào TCTD	(720,042,418)	(5,055,615,600)
- Các hoạt động tài chính khác	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	260,302,548,154	4,982,384,400
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	104,293,970,751	7,389,151,047
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	24,069,940,493	16,680,789,446
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	128,363,911,244	24,069,940,493

Kiên Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng

Bùi Tường Linh

Tổng Giám đốc

Trương Hoàng Lương

